

Bản án số: 159/ 2024/ DS-PT
Ngày: 29 – 8 – 2024
V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị Kiều T, sinh năm 1959; Cư trú: Khu phố F, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1963; Cư trú: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xuân H: Ông Trương Đình K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 07/12/2023 tại Văn phòng C). (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1974; Cư trú: Khu phố G, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1968; Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Xuân H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Văn Thị Kiều T trình bày:

Vào năm 2016 bà Huỳnh Thị X có nợ của bà T 700.000.000đ, bà T nhiều lần đòi nợ bà X; sau đó bà X có xin bà T bớt số tiền nợ và bà T chấp nhận cho bà X 300.000.000đ, còn lại bà X phải trả cho bà T 400.000.000đ. Sau đó bà X bán nhà và chỉ trả được cho bà T 300.000.000đ, còn xin nhận nợ 100.000.000đ nhưng bà T không đồng ý. Vì giữa bà X với bà Trần Thị Xuân H là chị em dâu với nhau và tài sản ghe của vợ chồng bà X đã chuyển nhượng sang cho vợ chồng bà H ông K đứng tên nên bà H tự nhận chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 100.000.000đ thay cho bà X. Do đó bà H đã viết giấy nhận nợ bà T 100.000.000đ và hẹn từ ngày 27/3/2017 đến ngày 27/7/2017 sẽ trả cho bà T toàn bộ số tiền trên. Kể từ ngày 27/3/2017, bà T vẫn thường đến nhà bà H yêu cầu bà H phải trả cho bà T số tiền 100.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 27/3/2017 nhưng bà H vẫn không trả. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 100.000.000đ, bà T không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả.

Bị đơn bà Trần Thị Xuân H trình bày:

Trước năm 2017, bà Huỳnh Thị X là em dâu của bà H có vay tiền của bà T để buôn bán làm ăn. Do làm ăn thua lỗ nên bà X không có khả năng trả nợ, bà X có nhờ bà H đứng bán một số tài sản để trả nợ giúp bà X. Nghĩ chỗ thân thiết với bà T nên bà H mới đứng ra ghi giấy nhận nợ thay bà X với số tiền 100.000.000đ, là khoản tiền bà H viết giấy nhận nợ cho bà T ngày 27/3/2017. Sau đó bà đã trả cho bà T số tiền 300.000.000đ, trong đó có số tiền 100.000.000đ theo giấy nợ viết ngày 27/3/2017. Việc trả nợ có sự chứng kiến của bà Ngô Thị Thu T1 ở khu phố G, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. Bà H xác định hiện nay bà không còn nợ bà T khoản tiền nào cả. Việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 100.000.000 đồng khoản tiền nợ ngày 27/3/2017 là bà H không đồng ý. Giấy nợ ngày 27/3/2017 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu của bà T.

Người làm chứng:

1. *Bà Ngô Thị Thu T1 trình bày:*

Vào năm 2017 bà T1 có mua nhà của bà Huỳnh Thị X với giá 2.000.000.000đ. Vì bà Trần Thị Xuân H là người làm ăn uy tín nên bà H có hẹn bà Huỳnh Thị X, bà Văn Thị Kiều T đến tại nhà bà T1 để giao nhận tiền; tại đây bà T1 giao tiền mua nhà cho bà X, còn số tiền 300.000.000đ là do ai giao cho bà Văn Thị Kiều T thì bà T1 không biết; giữa các bên có viết giấy tờ gì hay không thì bà T1 cũng không biết. Vì

bận làm ăn nên bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

2. Bà Huỳnh Thị X trình bày:

Vào năm 2016 bà Huỳnh Thị X có mượn của bà Văn Thị Kiều T 700.000.000đ về để làm ăn nhưng do thua lỗ nên không có tiền để trả cho bà T, bà X có xin bớt nợ và bà T đồng ý cho bà X 300.000.000đ, còn lại 400.000.000đ bà X phải trả cho bà T. Đến năm 2017 bà X bán nhà cho bà T1 với giá 2.000.000.000đ để trả nợ. Vào ngày 27/3/2017 giữa các bên cùng đến nhà bà T1 gồm: Bà X, bà H và bà T để nhận tiền bán nhà. Tại nhà bà T1, bà T1 giao cho bà X 300.000.000đ để bà X trả nợ cho bà T tuy nhiên bà T không đồng ý và yêu cầu bà X phải trả đủ cho bà T 400.000.000đ thì bà T mới xóa giấy nợ cho bà X. Lúc này, có bà Trần Thị Xuân H (bà H với bà X là chị em dâu) cam kết sẽ nhận trả nợ thay cho bà X 100.000.000đ (vì lúc này bà H đang quản lý tài sản của bà X là ghe/tàu cá). Bà T đồng ý và bà H viết giấy nhận nợ cho bà T; bà H thu số tiền 300.000.000đ, nhận giấy nhận nợ bà H viết ngày 27/3/2017 và trả lại giấy nợ gốc cho bà X. Kể từ khi viết giấy nhận nợ ngày 27/3/2017, bà H đã trả cho bà T số tiền 100.000.000đ hay chưa bà X hoàn toàn không biết vì bà X đã trả nợ xong cho bà T nên bà X không còn liên quan gì đến bà T và cũng không liên quan gì đến việc trả nợ của bà H. Vì bận làm ăn nên bà X đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều T. Buộc bà Trần Thị Xuân H phải trả cho bà Văn Thị Kiều T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/6/2024 bị đơn bà Trần Thị Xuân H do người đại diện theo ủy quyền ông Trương Đình K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giấy nhận nợ từ ngày 27/3/2017 đến ngày 27/7/2017 đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu đình chỉ giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 100.000.000đ, không yêu cầu trả lãi nên không tính thời hiệu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng bà Ngô Thị Thu T1, bà Huỳnh Thị X. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai. Do đó, theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên đương sự. HĐXX phúc thẩm có đủ cơ sở xác định. Vào năm 2016 bà Huỳnh Thị X có viết giấy mượn của bà Văn Thị Kiều T 700.000.000đ về để làm ăn nhưng do thua lỗ nên không có tiền để trả cho bà T, bà X có xin bớt nợ và bà T đồng ý cho bà X 300.000.000đ, còn lại 400.000.000đ bà X phải trả cho bà T. Vào ngày 27/3/2017 tại nhà bà T1 có mặt Bà X, bà H và bà T, thì bà X trả nợ cho bà T 300.000.000đ. Tuy nhiên bà T không đồng ý và yêu cầu bà X phải trả đủ cho bà T 400.000.000đ. Lúc này, bà Trần Thị Xuân H (bà H với bà X là chị em dâu) cam kết sẽ nhận trả nợ thay cho bà X 100.000.000đ, bà T đồng ý và bà H viết giấy nhận nợ cho bà T; bà Thu n số tiền 300.000.000đ, nhận giấy nhận nợ bà H viết ngày 27/3/2017 và trả lại giấy nợ gốc 700.000.000đ cho bà X.

Như vậy giữa bà T và bà X có mối quan hệ vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; còn bà H chỉ là người nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay cho bà X 100.000.000đ. Việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả 100.000.000đ không yêu cầu bà X trả nợ do đó quan hệ tranh chấp từ “*hợp đồng vay tài sản*” thành quan hệ tranh chấp “*chuyển giao nghĩa vụ trả nợ*” theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 27/3/2017 bà Trần Thị H viết giấy nợ trả nợ hẹn đến ngày 27/7/2017 sẽ trả nợ thay cho bà X 100.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn chưa trả 100.000.000đ cho bà T. Ngày 06/11/2023 bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả 100.000.000đ và tại cấp sơ thẩm bà H đã yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay đã hết. Tuy nhiên, bà T vẫn có quyền khởi kiện đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 mà không phải áp dụng thời hiệu theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 để bảo vệ quyền sở hữu. Do bà X là người nhận tiền vay từ bà T nên bà X là người trực tiếp đang chiếm giữ và sử dụng tài sản của bà T còn bà H không nhận tài sản. Do đó lẽ ra bà T khởi kiện đòi bà X trả lại tài sản 100.000.000đ để bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 nhưng khởi kiện đòi bà H là không đúng đối tượng. Nên việc tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp “*đòi lại tài sản*”, nhưng buộc bà Trần Thị Xuân H phải trả cho bà Văn Thị Kiều T số tiền 100.000.000đ là không có cơ sở vì bà H không giữ tài sản của bà T.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Xuân H. Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Kiều T đòi bà Trần Thị Xuân H phải trả 100.000.000đ.

Nếu sau này bà T khởi kiện yêu cầu bà X trả lại tài sản 100.000.000đ thì tòa án sẽ thụ lý giải quyết thành một vụ án khác.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bà T là người cao tuổi nên miễn nộp.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị Xuân H không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 155, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3, 7 Điều 27, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Xuân H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Bác yêu cầu của của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều T yêu cầu bà Trần Thị Xuân H phải trả cho bà Văn Thị Kiều T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Văn Thị Kiều T được miễn nộp

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Xuân H không phải chịu.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng